

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD

Số/No. *1213*/2020/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2020  
Hanoi, 08 December 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH  
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT  
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSVFL
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **07/12/2020**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF  
Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Componet Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weight
I	Chứng khoán/Stock		
1	BID	480	1.7%
2	CTG	5,210	15.1%
3	EIB	1,330	1.9%
4	HCM	270	0.6%
5	HDB	3,070	5.6%
6	MBB	9,100	15.9%
7	SSI	1,320	2.2%
8	STB	9,940	12.9%
9	TCB	7,160	14.8%
10	VCB	1,840	14.0%
11	VPB	6,590	15.3%
II	Tiền/Cash (VND)	1,063,930	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Basket in value	1,197,272,000 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value of an ETF Creation Unit	1,198,335,930 VND
+ Giá trị chênh lệch/ Cash Component	1,063,930 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Options to Investors:

• Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer Cash Component

• Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/

In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason:

STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	SSI	20,050	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
2	BID	41,650	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
3	MBB	20,950	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
4	TCB	24,800	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 07/12/2020	Kỳ trước/Last Period 04/12/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	10	-10
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	76,300.000	76,300.000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	12.000	12,000	0
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	926,313,674,517	957,673,196,661	-31,359,522,144
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,198,335,930	1,204,620,373	-6,284,443
của 1 CCQ/ per Share	11,983.35	12,046.20	-62.85
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,192.91	1,184.46	8.45

Đại diện tổ chức  
Organization representative



*Tô Thùy Linh*  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC